

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bim Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy

động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| <p>Đối với các vật tư, vật liệu chính (Đá các loại; Cát các loại; Xi măng PCB 30 Hoàng Long hoặc tương đương; Cốt thép, thép hình, thép tấm tương đương Hoà Phát; Tấm trần thạch cao tương đương Zinca, khung xương trần thạch cao tương đương Vĩnh Tường; Sơn lót, sơn phủ tương đương Dulux; Đá granite tương đương Phú Yên; Gạch Granite Grany Lite kích thước 800x800mm tương đương Thạch Bàn; Sàn gỗ công nghiệp dày 12mm, tương đương An Cường; Tôn lợp; Cửa cuốn; cửa kính thủy lực, cửa đi gỗ công nghiệp phủ 2 mặt Melamin, khuôn cửa gỗ tự nhiên nhóm III; Vách gỗ Công nghiệp Melamin 1 mặt lắp đặt hoàn thiện, xương gỗ tự nhiên; Thiết bị điện,...</p> | <p>Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị sản xuất hoặc đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu cho gói thầu này kèm theo Giấy phép đăng ký kinh doanh; Trường hợp nhà thầu có chức năng sản xuất hoặc kinh doanh vật liệu xây dựng thì cung cấp tài liệu chứng minh</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Không có hợp đồng nguyên tắc cung cấp đáp ứng yêu cầu (Thiếu 1 vật tư, vật liệu chính) hoặc không có đầy đủ tài liệu chứng minh khả năng cung cấp các loại vật tư, vật liệu trên.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>1.2. Các vật tư, vật liệu cần thiết khác</p> | <p>Có cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp vật liệu.</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Không có cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp vật liệu.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>1.3. Lập danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu chính phù hợp với yêu cầu của gói thầu</p> | <p>- Có danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu chính phù hợp với yêu cầu của gói thầu: Nhà thầu phải trình bày cụ thể các nội dung về: tên vật liệu, nguồn gốc, xuất xứ và đặc tính thông số kỹ thuật của các</p> | <p>Đạt</p> |

| | | |
|-----------------|--|-----------|
| | loại vật liệu, thiết bị chính cho gói thầu; Đề xuất đầy đủ, cụ thể, chi tiết rõ ràng và hợp lý tất cả các nội dung | |
| | Đề xuất đầy đủ nhưng chưa cụ thể, chi tiết, rõ ràng hoặc đề xuất không hợp lý | Không đạt |
| Kết luận | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| 2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công | Có bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công phù hợp với địa hình thi công thực tế trên công trường, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường; Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. (Nhà thầu có trách nhiệm tự khảo sát, tìm hiểu, tính toán chi tiết các hạng mục trên tổng mặt bằng (vị trí, diện tích, ...) phục vụ thi công để đề xuất phù hợp với thực tế hiện trạng, với gói thầu) | Đạt |
| | Không có bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công hoặc có nhưng không phù hợp với địa hình thi công thực tế trên công trường, không đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường; Không có giải pháp kỹ thuật hoặc có nhưng không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 2.2. Am hiểu về gói thầu | - Thuyết minh về quy mô, giải pháp thiết kế các hạng mục gói thầu; nêu căn cứ lập biện pháp thi công cụ thể | Đạt |

| | | |
|--|---|-----------|
| | <p>cho gói thầu.</p> <p>- Trình bày hiểu biết của nhà thầu về khu vực thực hiện gói thầu đang xét từ đó đưa ra đánh giá của nhà thầu về những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện gói thầu đang xét và những yêu cầu cần đặt ra trong quá trình thi công để khắc phục khó khăn đó</p> | |
| | <p>Không đề xuất tất cả các nội dung trên hoặc đề xuất</p> | Không đạt |
| 2.3 Sơ đồ hệ thống tổ chức bộ máy quản lý trên công trường | <p>Đáp ứng đủ các yêu cầu sau:</p> <p>- Có sơ đồ hệ thống tổ chức bộ máy quản lý trên công trường hợp lý, khả thi;</p> <p>- Thuyết minh rõ trách nhiệm của từng bộ phận: Chỉ huy trưởng, cán bộ kỹ thuật, Đội trưởng thi công;</p> | Đạt |
| | <p>Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên;</p> | Không đạt |
| <p>2.3. Giải pháp kỹ thuật biện pháp thi công: Có biện pháp thi công cho các hạng mục:</p> <p>+ Công tác phá dỡ, tháo dỡ (<i>Phá dỡ lớp vữa trát; phá dỡ lớp gạch lát nền; tháo dỡ trần thạch cao; tháo dỡ cửa đi, cửa sổ; tháo dỡ sàn gỗ; tháo dỡ xà gỗ, mái tôn; tháo dỡ hệ thống điện; phá dỡ tường thu hồi, tường chắn sê nô mái ...</i>)</p> <p>+ Biện pháp thi công xây tường (<i>xây tường thu hồi</i>)</p> <p>+ Biện pháp thi công trát tường</p> <p>+ Biện pháp thi công bê tông cốt thép (<i>sàn BTCT phía trên sàn mái</i>).</p> <p>+ Biện pháp thi công lát nền.</p> | <p>Trình bày đầy đủ các nội dung theo hồ sơ thiết kế được duyệt có thuyết minh kèm theo bản vẽ biện pháp thi công. Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.</p> | Đạt |
| | <p>Trình bày thiếu nội dung hoặc biện pháp thi công không đáp ứng các nội dung yêu cầu, không phù hợp với hồ sơ thiết kế được duyệt. Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.</p> | Không đạt |

| | | |
|--|--|-----------|
| <ul style="list-style-type: none"> + Biện pháp thi công ốp gỗ nội thất (Thi công lớp Foam chống ẩm cho vách gỗ, ốp tường, lát sàn gỗ, phào chân tường, phào viền,...) + Biện pháp thi công bả, lăn sơn. + Biện pháp gia công, lắp dựng cửa, vách kính (cửa gỗ; cửa, vách kính khung nhôm hệ; cửa thủy lực, kính cường lực,...) + Biện pháp thi công gia công, lắp dựng lan can, tay vịn cầu thang. + Biện pháp thi công trần thạch cao. + Biện pháp thi công xà gồ, mái tôn. + Biện pháp thi công, lắp đặt hệ thống điện. | | |
| 2.4. Trình tự thi công | Hợp lý, đầy đủ, chi tiết. | Đạt |
| | Không hợp lý, đầy đủ, chi tiết. | Không đạt |
| Kết luận | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|-----------|
| 3.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 120 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 120 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 120 ngày. | Không đạt |
| 3.2. Tính phù hợp: | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b). | |

| | | |
|---|--|-----------|
| a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công | Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b). | Không đạt |
| 3.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT | Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. (trong đó biểu đồ thiết bị thi công chủ yếu phải đầy đủ và chi tiết các thiết bị chính cần thiết phục vụ cho gói thầu này) | Đạt |
| | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý hoặc không đầy đủ sơ đồ nhân sự hoặc không có biểu đồ huy động đầy đủ, chi tiết từng máy thi công chủ yếu nêu trên hoặc không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | Không đạt |
| Kết luận | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|-----------|
| 4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong công tác thi công | Biện pháp đảm bảo chất lượng cho từng công tác và toàn bộ gói thầu: a. Có kế hoạch tổ chức nghiệm thu các loại vật liệu đầu vào; b. Nhà thầu phải có quy trình kiểm soát chất lượng khi thi công và thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công và toàn bộ gói thầu hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công; c. Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng; nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng; nghiệm thu hoàn thành hạng mục của gói thầu và toàn bộ gói thầu | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |

| | | |
|---|---|-----------|
| 4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, máy móc thiết bị để phục vụ công tác thi công: a. Nhà thầu có quy trình kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, máy móc thiết bị để phục vụ công tác thi công. b. Thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng cho nguyên liệu đầu vào hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công. | Không đạt |
| 4.3 Biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán | Có biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán phù hợp các quy định hiện hành và quy mô của gói thầu này. | Đạt |
| | Không có biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán hoặc có nhưng không phù hợp các quy định hiện hành và quy mô của gói thầu này. | Không đạt |
| 4.3. Đề xuất phòng thí nghiệm thực hiện công tác kiểm tra chất lượng theo quy định hiện hành. | Có đề xuất phòng thí nghiệm đáp ứng yêu cầu. Nhà thầu có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị thí nghiệm, cung cấp bản scan chứng thực giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và các tài liệu khác có liên quan (nếu có) | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc có đề xuất phòng thí nghiệm nhưng không có tài liệu chứng minh. | Không đạt |
| Kết luận | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng |
|--|---|
| 5.1. An toàn lao động | |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có thuyết minh biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất Đạt |

| | | |
|---|---|------------------|
| | <p>về biện pháp tổ chức thi công do nhà thầu đề xuất kèm bản vẽ/hình ảnh minh họa</p> <p>- Chứng minh qua 01 công trình đến thời điểm lập hồ sơ dự thầu đã hoàn thành hoặc đang thực hiện đảm bảo về an toàn lao động trong thi công được chủ đầu tư công trình đó xác nhận (<i>Tài liệu chứng minh phải là bản gốc hoặc bản sao được chứng thực</i>)</p> | |
| | <p>Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p> <p>- Không có chứng minh qua 01 công trình đến thời điểm lập hồ sơ dự thầu đã hoàn thành hoặc đang thực hiện đảm bảo về an toàn lao động trong thi công được chủ đầu tư công trình đó xác nhận</p> | Không đạt |
| 5.2. Phòng cháy, chữa cháy | | |
| <p>Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p> | <p>Có thuyết minh biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công kèm bản vẽ/hình ảnh minh họa và nêu các quy định, quy phạm tiêu chuẩn; các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy nổ, tổ chức bộ máy quản lý hệ thống</p> | Đạt |

| | | |
|---|--|------------------|
| | phòng chống cháy nổ | |
| | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| 5.3. Vệ sinh môi trường | | |
| | Có thuyết minh biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với hiện trạng kèm bản vẽ/hình ảnh minh họa | Đạt |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| 5.4. Biện pháp đảm bảo an ninh trong quá trình thực hiện gói thầu | | |
| Biện pháp đảm bảo an ninh trong quá trình thực hiện gói thầu hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có bảng nội quy về an ninh trật tự, trách nhiệm của tổ bảo vệ khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không đề xuất tất cả các nội dung trên hoặc đề xuất thiếu hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý. | Không đạt |
| Kết luận | Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

6. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| 6.1. Bảo hành | | |
| a. Thời gian bảo hành 12 tháng. | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. | Đạt |
| | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng. | Không đạt |
| b. Kế hoạch bảo hành | <p>Kế hoạch bảo hành của nhà thầu đề xuất phải bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nội dung công việc bảo hành; - Thời gian bảo hành công trình (thời gian bảo hành công trình do nhà thầu đề xuất phải cụ thể và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành); Đối với thời gian bảo hành của thiết bị phải phù hợp với nhà sản xuất và quy định của pháp luật hiện hành, có cam kết có mặt trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của chủ đầu tư về khắc phục sự cố hỏng hóc, lỗi. - Quy trình xử lý khi nhận được yêu cầu bảo hành từ chủ đầu tư | Đạt |
| | Nhà thầu không đề xuất tất cả nội dung trên hoặc thời gian bảo hành công trình, thiết bị không phù hợp với quy định của pháp luật và nhà sản xuất thiết bị | Không đạt |
| 6.3. Uy tín của nhà thầu thông qua Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng trong vòng 03 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu <i>(Việc chấm thầu dựa theo thông tin nhà thầu Cam kết kèm theo E-HSDT, trong quá trình đánh giá E-HSDT, nếu Bên mời thầu có tài</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cam kết đảm bảo Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP - Nhà thầu cam kết luôn huy động được nhân sự, thiết bị khi trúng thầu và ký kết hợp đồng | Đạt |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không có cam kết đảm bảo của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và không có cam kết luôn huy động được nhân sự, thiết bị khi trúng thầu và ký kết hợp đồng | Không đạt |

| | | |
|---|--|-----------|
| <i>liệu chứng minh nhà thầu vi phạm về Uy tín thì sẽ xem xét, làm rõ và tiến hành đánh giá)</i> | | |
| Kết luận | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.